TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 807/2018/DS-PT
Ngày: 05/9/2018
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm**:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Minh Quang
2. Bà Vũ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/8/2018 và ngày 05/9/2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2018/TLPT-DS ngày 22/5/2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 111/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của Toà án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3513/2018/QĐXXPT-DS ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Anh S, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: 482/11/14A NTL, Phường MB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Dương Quí P, sinh năm 1972

Địa chỉ: 625/3 AC, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 35 TTC, Phường MH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số công chứng 024431 Quyển số 08TP/CC-SCC/ HĐGD ngày 10/8/2016 của Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ: 625/3 AC, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 35 TTC, Phường MH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số công chứng 006854 Quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/5/2017 của Văn phòng Công chứng Đồng Tâm, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1970

Địa chỉ: 85/2 đường số 9, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh,

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: P202 (Lầu 2), Tòa nhà CV, 12 MĐC, phường ĐK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền số công chứng 012282 Quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/8/2017 của Văn phòng Công chứng Đồng Tâm, quận Tân Phú Tp Hồ Chí Minh).

Người kháng cáo: Bà Dương Quí P và ông Nguyễn Công D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2016, các bản tự khai, bản tự khai bổ sung, biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đào Anh S trình bày:

Từ tháng 11/2014 đến tháng 3/2015 ông cho bà Dương Quí P vay ngắn hạn số tiền 3.391.160.000 đồng, lãi suất thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, bà P nhận tiền vay theo các khế ước sau:

Ngày 13/11/2014, nhận 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Ngày 05/12/2014, nhận 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Ngày 20/12/2014, nhận 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 11/01/2015, nhận 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Ngày 18/01/2015, nhận 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 25/01/2015, nhận 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Ngày 23/02/2015, nhận 1.153.010.000đ (một tỷ một trăm năm mươi ba triệu không trăm mười ngàn đồng).

Ngày 10/3/2015, nhận 798.150.000đ (bảy trăm chín mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Mục đích bà P vay để mua nhà đất làm nhà xưởng kinh doanh khăn lạnh, bia rượu hàng tết. Hình thức trả nợ là trả góp hàng tuần, hàng tháng, trả trực tiếp bằng tiền mặt (do bà P, hoặc xe ôm, hoặc người nhà mang tiền trả). Tính đến ngày 15/4/2015 bà P đã trả số tiền gốc là 465.000.000 đồng, còn nợ 2.926.160.000 đồng. Trong suốt quá trình vay tiền bà P không thanh toán tiền lãi, nay ông khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền lãi 18%/năm, tạm tính từ ngày

15/4/2015 đến nay (ngày khởi kiện) là 658.350.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và tiền lãi là: 2.926.000.000 đồng + 658.350.000 đồng = 3.584.350.000 đồng.

Việc ông cho bà P vay số tiền trên thì chồng bà P là ông Nguyễn Văn Đ biết rõ vì ông Đ có mang tiền trả cho ông.

Ông đã nhiều lần yêu cầu thanh toán hết số nợ còn lại, nhưng bà P luôn tránh mặt không trả nợ, còn thách thức.

Tại phiên tòa ông yêu cầu bà Dương Quí P và chồng là ông Nguyễn Văn Đ cùng có trách nhiệm thanh toán một lần cho ông số nợ gốc là 2.926.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 9% năm, thời gian tính lãi từ ngày 10/9/2015 (là ngày hẹn trả nợ cuối cùng do bà P ký tại khế ước ngày 10/03/2015) đến ngày 10/3/2018, cụ thể tiền lãi là: 2.926.000.000 đồng x 0,75% x 29 tháng = 636.405.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và tiền lãi là: 2.926.000.000đồng + 636.405.000 đồng = 3.562.405.000 đồng, tính chẵn số là 3.562.000.000 đồng, trả 1 lần hạn chót vào ngày 10/7/2018.

Bị đơn bà Dương Quí P ủy quyền cho ông Lê Xuân Tđại diện trình bày:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán số tiền 3.584.350.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và lãi) là không có căn cứ, vì bà P không nợ ông S số tiền nêu trên, nên bà P không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ông đã được photo các khế ước nhận nợ mà phía nguyên đơn đã nộp cho Tòa có chữ ký phía bên dưới có ghi tên Dương Quí P. Tuy nhiên, việc xác định các chữ ký này có phải do bà P ký hay không, ông xin về hỏi lại bà P sẽ báo cho Tòa sau. Về việc bà P có vay tiền của ông S hay không và nợ gốc, nợ lãi là bao nhiêu, đã thanh toán như thế nào thì ông cũng không xác định được, ông xin Tòa cho thêm thời gian để trao đổi với bà P sẽ báo cho Tòa về số nợ cụ thể. Tuy nhiên, sau đó ông Thụ không có văn bản phản hồi gì về nội dung trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ ủy quyền cho ông Lê Xuân T đại diện trình bày:

Ông Đ là chồng của bà P. Việc bà P vay tiền của ông S (nếu có) là giao dịch riêng giữa ông S và bà P, không liên quan đến ông Đ. Việc vay tiền của bà P thì bà P sử dụng vào việc cá nhân của bà P, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình và ông Đ không biết, cũng không liên quan việc này, nên ông Đ không có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả nợ cho ông S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2017 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công D ủy quyền cho ông Nguyễn Thế Nđại diện trình bày:

Ông D và bà P có mối quan hệ họ hàng (bà P là dâu của bác ông D). Do bà P nợ tiền của ông D nên bà P bán cho ông D phần quyền sở hữu và sử dụng của bà P là một phần nhà đất số 625/3 AC, phường HT, quận TP, theo Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 024429 ngày 10/8/2016 tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân với giá mua bán

là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông D không phải giao tiền cho bà P mà cấn trừ vào số nợ bà P thiếu ông D (bà P nợ ông D gần 900.000.000 đồng).

Khi ông D làm thủ tục đăng bộ thì cơ quan chức năng thông báo nhà đất bị cấm chuyển dịch mua bán nên ông D không đăng bộ được. Ông D có đến gặp ông Đ để hỏi thì ông Đ nói sẽ giải quyết, vì là họ hàng nên ông D yên tâm để giải quyết nội bộ gia đình.

Ngày 15/8/2017, ông Nguyễn Công D có đơn yêu cầu độc lập với nội dung đề nghị Tòa án xem xét hủy bỏ Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/06/2017 và văn bản số 359/TAQ.TP ngày 31/07/2017 của Tòa án, để ông D thực hiện việc đăng bộ sang tên phần nhà đã mua của bà P theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Tòa án không hủy bỏ Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên đề nghị Tòa án xem xét buộc bà P phải trả cho ông D số tiền 900.000.000 đồng, trả 1 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 29/8/2017 người đại diện hợp pháp của ông D có đơn sửa đổi đơn yêu cầu độc lập cụ thể có yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà giữa ông Nguyễn Công D và bà Dương Quí P, yêu cầu bà P trả cho ông D số tiền 900.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 111/2018/DS-ST ngày 10/4/2018, Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Đào Anh S.

Buộc bà Dương Quí P phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Đào Anh S số tiền 3.562.000.000 đ (ba tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu đồng) (trong đó số tiền gốc 2.926.000.000 đồng và số tiền lãi tính tròn số 636.000.000đồng).

Thời hạn thi hành: Thanh toán một lần vào ngày 10/07/2018

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015; nếu không có thỏa thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2016/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/8/2016 và quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2017, được bổ sung theo công văn số 345/TA.QTP ngày 24/7/2017 và công văn số 359/TA.QTP ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Việc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 103.240.000đ (một trăm lẻ ba triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) buộc bà Dương Quí P nộp. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 15.225.520 đ (mười lăm triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi đồng) cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0025116 ngày 21/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Quyết định bổ sung bản án sơ thẩm số 23/2018/QĐ-BSBA ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã quyết định:

Bổ sung bản án số 111/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Tại dòng thứ 21, 22 từ trên xuống, trang 5 của bản án đã ghi: "Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn".

Nay bổ sung như sau: "Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn".

Về án phí: Tính theo quy định pháp luật".

Ngày 24/4/2018, bị đơn bà Dương Quí P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công D nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Dương Quí P ủy quyền cho ông Lê Xuân T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, với lý do: Cấp sơ thẩm chưa xác định rõ chứng cứ có trong trong hồ sơ về số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là trả tiền nợ lãi hay trả nợ vốn mà chỉ căn cứ lời khai của nguyên đơn là bị đơn đã trả được vốn là 465.000.000 đồng; cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ về quan hệ nhân thân của ông S, để đưa vợ của ông S vào tham gia tố tụng; theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì số tiền cho vay từ tháng 12/2015 đến tháng 02/2016, tuy nhiên các khế ước nhận nợ từ tháng 11/2014 đến tháng 3/2015. Như vậy, nguyên đơn căn cứ nào để khởi kiện bị đơn. Đồng thời, khế ước nhận nợ ngày 10/3/2015 bà P ký tên bên cho vay chứ không phải bên vay.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công D ủy quyền cho ông Nguyễn Thế N kháng cáo cho rằng việc duy trì Quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trong bản án sơ thẩm là không hợp lý, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

+ Nguyên đơn ông Đào Anh S đồng ý tính lãi từ ngày 30/5/2016 (là ngày tiếp theo ngày bà P trả phần nợ gốc sau cùng cho đến ngày 10/3/2018 (trước ngày xét xử sơ thẩm một tháng). Đồng thời, cho bà P trả số tiền nợ trong thời hạn 03 tháng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với các phần khác của bản án, yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của bà P và của ông D.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Xét Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 23/2018/QĐ-SCBSBA ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú thể hiện Thẩm phán ký tên một mình không phối hợp với Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử là vi phạm Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ 08 khế ước nhận nợ giữa ông Đào Anh S và bà Dương Quí P thể hiện: Bà P có thỏa thuận nhận nợ với ông S với tổng số tiền tổng cộng là 3.391.160.000 đồng, lãi suất các bên tự thỏa thuận. Ông S xác định bà P đã thanh toán số tiền gốc là 465.000.000 đồng nên còn nợ 2.926.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện của bị đơn xác nhận chữ ký trong 08 khế ước nhận nợ là của bà P và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã trả được cho nguyên đơn số tiền vốn hay tiền lãi. Ngoài ra, khế ước nhận nợ ngày 10/3/2015, bà P ký nhầm chỗ người cho vay là không ảnh hưởng đến nội dung của khế ước. Án sơ thẩm buộc bà P phải trả cho ông S nợ gốc là 2.926.000.000 đồng là có căn cứ.

Về số tiền nợ lãi: Nguyên đơn tự nguyện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm tính từ ngày 30/5/2016 đến ngày 10/3/2018 trên số nợ gốc là 2.926.000.000 đồng nên số tiền lãi được tính như sau: 2.926.000.000 đồng x 21 tháng 12 ngày x 0,75% = 469.623.000 đồng. Như vậy, bà P có nghĩa vụ thanh toán cho ông S nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 3.395.623.000 đồng.

Xét thấy, ngày 09/8/2016 ông S có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với lý do bà P có dấu hiệu tẩu tán tài sản. Ngày 10/8/2016, bà P ký hợp đồng mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở một phần với ông D tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân. Căn cứ Điều 439 Bộ luật dân sự năm 2005 thì quyền sở hữu của bà P đối với nhà đất tại số 237/3 (số mới 625/3) Âu Cơ, phường Hòa Thạnh quận Tân Phú chưa được chuyển sang cho ông D. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa ½ tài sản của người có nghĩa vụ". Quyết định này có hiệu lực thi hành và thay thế quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2016/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú là có căn cứ, phù hợp với Điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả số tiền nợ trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, xác định chưa được nhận lại tiền ký quỹ bảo đảm, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc trả lại số tiền ký quỹ cho nguyên đơn.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P và ông D. Sửa bản án sơ thẩm về số tiền lãi, thời hạn trả nợ và trả lại nguyên đơn tiền ký quỹ bảo đảm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Theo khế ước nhận nợ ngày 13/11/2014 thể hiện: Bà Dương Quí P nhận nợ của ông Đào Anh S số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi trong hạn, trả lãi vào ngày 13 hàng tháng trên dư nợ thực tế, ngày trả nợ cuối cùng 13/5/2015 (bút lục số 43);

Theo khế ước nhận nợ ngày 05/12/2014 thể hiện: Bà Dương Quí P nhận nợ của ông Đào Anh S số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi trong hạn, trả lãi vào ngày 05 hàng tháng trên dư nợ thực tế, ngày trả nợ cuối cùng 05/3/2015 (bút lục số 44);

Theo khế ước nhận nợ ngày 20/12/2014 thể hiện: Bà Dương Quí P nhận nợ của ông Đào Anh S số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi trong hạn, trả lãi vào ngày 20 hàng tháng trên dư nợ thực tế, ngày trả nợ cuối cùng 20/5/2015 (bút lục số 45);

Theo khế ước nhận nợ ngày 11/01/2015 thể hiện: Bà Dương Quí P nhận nợ của ông Đào Anh S số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi trong hạn, trả lãi vào ngày 11 hàng tháng trên dư nợ thực tế, ngày trả nợ cuối cùng 10/02/2015 (bút lục số 46);

Theo khế ước nhận nợ ngày 18/01/2015 thể hiện: Bà Dương Quí P nhận nợ của ông Đào Anh S số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi trong hạn, trả lãi vào ngày 18 hàng tháng trên dư nợ thực tế, ngày trả nợ cuối cùng 17/02/2015 (bút lục số 47);

Theo khế ước nhận nợ ngày 25/01/2015 thể hiện: Bà Dương Quí P nhận nợ của ông Đào Anh S số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi trong hạn, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng trên dư nợ thực tế, ngày trả nợ cuối cùng 25/4/2015 (bút lục số 48);

Theo khế ước nhận nợ ngày 23/02/2015 thể hiện: Bà Dương Quí P nhận nợ của ông Đào Anh S số tiền 1.153.010.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi trong hạn, trả lãi vào ngày 23 hàng tháng trên dư nợ thực tế, ngày trả nợ cuối cùng 23/5/2015 (bút lục số 49);

Theo khế ước nhận nợ ngày 10/3/2015 thể hiện: Bà Dương Quí P nhận nợ của ông Đào Anh S số tiền 798.150.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi trong hạn, trả lãi vào ngày 10 hàng tháng trên dư nợ thực tế, ngày trả nợ cuối cùng 10/9/2015 (bút lục số 50);

Tổng cộng các khế ước nêu trên bà P vay của ông S là 3.391.160.000 đồng.

[2] Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông S đã cung cấp Giấy xác nhận tình trạng độc thân do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Bình Thạnh cấp ngày 21/5/2018, xác nhận có nội dung: ông Đào Anh S chưa đăng ký kết

hôn với ai. Do đó, bà P ủy quyền cho ông Thụ kháng cáo yêu cầu đưa vợ của ông S vào tham gia tố tụng là không có căn cứ.

[3] Xét trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tiến hành thu thập chứng cứ và nguyên đơn đã cung cấp 08 tờ khế ước nhận nợ; sổ bà P trả nợ ông S. Đồng thời, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án nhân dân quận Tân Phú lập ngày 12/7/2017, bà P ủy quyền cho ông T đại diện trình bày: Việc bà P có vay tiền của ông S hay không? Nợ gốc là bao nhiêu? Nợ lãi là bao nhiêu? Đã thanh toán nợ lãi là bao nhiêu? Ông cũng không xác định được và xin Tòa cho thời gian để trao đổi với bà P sẽ thông báo cho Tòa án về số nợ cụ thể. Tuy nhiên, sau đó ông T không có văn bản phản hồi gì về nội dung trên và cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã trả nợ lãi hoặc trả nợ vốn cho ông S. Ngoài ra, Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã ra Quyết định đối chất vào ngày 29/12/2016 nhưng bà P vắng mặt nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã lập biên bản ghi nhận sự việc ngày 29/12/2016 (bút lục số 74). Án sơ thẩm, căn cứ 08 khế ước nhận nợ; sổ bà P trả nợ của ông S và lời khai thừa nhận của ông S là bà P đã trả được vốn là 465.000.000 đồng để trừ ra số nợ vốn là có căn cứ. Do đó, bà P ủy quyền cho ông T kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm chưa xác định rõ chứng cứ có trong trong hồ sơ về số tiền bị đơn đã trả nợ lãi hay trả nợ vốn cho nguyên đơn mà chỉ căn cứ lời khai của nguyên đơn là bị đơn đã trả được vốn là 465.000.000 đồng, là không có căn cứ.

[4] Đối với đơn khởi kiện của nguyên đơn có ghi về thời gian cho bà P vay tiền từ tháng 12/2015 đến tháng 02/2016. Tuy nhiên, tại nội dung đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông S khởi kiện bị đơn đối với 08 khế ước nhận nợ và có liệt kê 08 khế ước nhận nợ và yêu cầu bà P trả số tiền của 08 khế ước nhận nợ là 3.391.160.000 đồng trừ ra số tiền bà P trả nợ gốc là 465.000.000 đồng. Đồng thời, đối với khế ước nhận nợ ngày 10/3/2015 bà P ký tên người cho vay là do bà P ký nhầm vào phần người cho vay là không ảnh hưởng đến nội dung, vì nội dung khế ước nhận nợ có nội dung bà P có nhận nợ của ông Đào Anh S. Do đó, bà P ủy quyền cho ông Thụ đại diện kháng cáo cho rằng, nguyên đơn khởi kiện bị đơn đối với số tiền từ tháng 12/2015 đến tháng 02/2016 và khế ước nhận nợ ngày 10/3/2015, bà P là người cho vay chứ không phải người vay, là không có căn cứ.

Như đã nhận định trên, bà P ủy quyền cho ông T đại diện kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[5] Tại bản tự khai ngày 04/8/2016; bản tự khai bổ sung ngày 05/3/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/7/2017 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đào Anh S xác nhận bà P đã trả được số tiền gốc là 465.000.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà P ủy quyền cho ông T đại diện thừa nhận chữ ký trong 08 khế ước nhận nợ nêu trên là của bà P. Đồng thời, bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã trả nợ vốn hoặc trả lãi. Do đó, Án sơ thẩm, căn cứ 08 khế ước nhận nợ, sổ bà P trả nợ và lời khai thừa

nhận của ông S để buộc bà P trả số nợ gốc là 2.926.000.000 đồng là có căn cứ, nên giữ nguyên.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S đồng ý tính lãi từ ngày 30/5/2016 (ngày tiếp theo ngày bà P trả phần nợ gốc sau cùng) cho đến ngày 10/3/2018 (trước ngày xét xử sơ thẩm một tháng) là tự nguyện và có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và sửa án sơ thẩm về nợ lãi như sau: Từ ngày 30/5/2016 đến ngày 10/3/2018 là 21 tháng 12 ngày x 0,75% x 2.926.000.000 đồng = 469.623.000 đồng.

[8] Như vậy, bà P có nghĩa vụ thanh toán cho ông S nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 3.395.623.000 đồng.

[9] Án sơ thẩm, buộc bị đơn tha2G nh toán một lần vào ngày 10/07/2018 là không phù hợp, vì đến ngày 10/7/2018 bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ông S đồng ý cho bà P trả số tiền nợ nêu trên trong thời hạn 03 tháng, tính từ ngày bản án có hiệu luật pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông S.

[10] Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 6908/99 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/1999 tại trang bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý thể hiện: Bà Dương Quí P, ông Nguyễn Văn Đ nhận chuyển nhượng theo hợp đồng số 05490/HĐ-MBN ngày 24/01/2008 lập tại Phòng Công chứng số 4 có xác nhận của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú ngày 26/02/2008 (bút lục số 54 – 56).

[11] Theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở (một phần) có chứng nhận của Văn phòng công chứng Hoàng Xuân ngày 10/8/2016 có nội dung: Bà P bán cho ông D toàn bộ phần thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà P đối với nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Đồng thời, ông Đ đồng ý để bà P bán, chuyển nhượng phần thuộc quyền của bà P cho ông D và ông Đ tham gia hợp đồng này với tư cách là người chứng kiến. Đối tượng của hợp đồng này là toàn bộ phần thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà P đối với nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 625/3 AC, phường HT, quận TP (bút lục số 64 – 67).

[12] Ngày 09/8/2016, ông Đào Anh S có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp thời phong tỏa đối với chủ sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 6908/99 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/1999 tại căn nhà 237/3 (số cũ) Âu Cơ, Phường 19, quận Tân Bình.

[13] Tòa án nhân dân quận Tân Phú ra Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 14/2016/QĐ-BPBĐ ngày 25/8/2016 với nội dung: Buộc ông Đào Anh S phải gửi tài sản bảo đảm có giá trị là 200.000.000 đồng vào tài khoản của Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

[14] Theo Giấy tạm khóa tài khoản số ACLK16239JPB65 ngày 26/6/2016 của Ngân hàng Sài Gòn Thương tín – Phòng giao dịch Khu công nghiệp Tân

Bình thể hiện: Ông Đào Anh S, số tiền phong tỏa 200.000.000 đồng, TK theo số 14/2016/QĐ-BPBĐ, 25/8/2016 (bút lục số 72).

[15] Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2016/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/8/2016 với nội dung: Phong tỏa tài sản nhà đất tọa lạc tại số 237/3 (nay số mới 625/3) đường Âu Cơ, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 6908/99 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/1999. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú ngày 26/02/2008 trên trang bổ sung của giấy chứng nhận trên do ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Quí P sở hữu (bút lục số 78).

[16] Ngày 16/6/2017, ông Đào Anh S có đơn yêu cầu thay đổi Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (bút lục số 79).

[17] Ngày 22/6/2017, Tòa án nhân dân quận Tân Phú ra Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT với nội dung: Thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2016/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú bằng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa ½ tài sản của người có nghĩa vụ". Quyết định này có hiệu lực thi hành và thay thế quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2016/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú (bút lục số 80).

[18] Xét Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú là có căn cứ đúng quy định của pháp luật và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, đồng thời thời hạn xem xét khiếu nại quyết định này không còn. Do đó, ông Nguyễn Công D ủy quyền cho ông Nguyễn Thế N đại diện kháng cáo yêu cầu, hủy Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

Án sơ thẩm, tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2016/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú là không đúng, vì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2016/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú ra Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2017 thay thế Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2016/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Do đó, Hội đồng xét xử sửa phần này của án sơ thẩm.

[19] Án sơ thẩm, không tuyên giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp.

[20] Ngày 15/8/2017, ông Nguyễn Công D có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu hủy bỏ Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2017 và công văn số 359/TA.QTP ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Trường hợp, Tòa án không hủy bỏ quyết định nêu trên thì đề nghị Tòa án xem xét buộc bà P phải trả lại cho ông số tiền 900.000.000 đồng. Ngày 29/8/2018, ông Nguyễn Thế N là người đại diện theo ủy quyền của ông D có đơn sửa đổi đơn yêu cầu độc lập, với nội dung yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà giữa bà P và ông D và yêu cầu bà P trả lại số tiền 900.000.000 đồng. Đồng thời, rút lại yêu cầu hủy bỏ Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2017 và công văn số 359/TA.QTP ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Ngày 29/8/2017, Tòa án nhân dân quận Tân Phú ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập số 286/TB-TA với nội dung: thông báo cho ông D phải nộp tiền tạm ứng án phí và Tòa án đã giao thông báo cho ông Nam là người đại diện của ông D nhận ngày 29/8/2017 (bút lục số 115). Tuy nhiên, ông D ủy quyền cho ông Nam không nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nam là người đại diện theo ủy quyền của ông D xác nhận ông D không yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán nhà giữa bà P và ông D, đồng thời cũng không yêu cầu bà P trả lại số tiền 900.000.000 đồng trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu độc lập của ông D trong vụ án này.

[21] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P và ông D. Sửa bản án sơ thẩm về số tiền lãi, thời hạn trả nợ và trả lại nguyên đơn tiền ký quỹ bảo đảm, là có căn cứ nên chấp nhận.

[21] Do sửa án sơ thẩm về số tiền bị đơn phải trả nguyên đơn là 3.395.623.000 đồng, nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 99.912.460 đồng.

[22] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bà P và ông D không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471; khoản 5 Wiefi 474; khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 466; Điều 468; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009.

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Quí P và ông Nguyễn Công D.

2. Sửa bản án số 111/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Đào Anh S.

Buộc bà Dương Quí P phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Đào Anh S số tiền vốn là 2.926.000.000 đồng và số tiền lãi là 469.623.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 3.395.623.000đ (ba tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông S cho bà P thanh toán số tiền trên trong thời hạn 03 (ba) tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015; nếu không có thỏa thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

2.2. Tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2017, được bổ sung theo công văn số 345/TA.QTP ngày 24/7/2017 và công văn số 359/TA.QTP ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2.3. Giải toả Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 14/2016/QĐ-BPBĐ ngày 25/8/2016 của Toà án nhân dân quận Tân Phú.

Ông Đào Anh S có quyền liên hệ Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Phòng Giao dịch Khu Công nghiệp Tân Bình để nhận lại số tiền bảo đảm là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tại tài khoản số 060087702661 theo Giấy tạm khóa tài khoản ngày 26/8/2016.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Quí P chịu 99.912.460đ (chín mươi chín triệu chín trăm mười hai ngàn bốn trăm sáu mươi đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 15.225.520đ (mười lăm triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi đồng) cho ông Đào Anh S theo biên lai thu số 0025116 ngày 21/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Quí P và ông Nguyễn Công D không phải chịu. Hoàn trả cho bà P và ông D mỗi người 300.000đ (ba trăm ngàn

đồng) án phí phúc thẩm tạm nộp theo biên lai thu số 0012021 và số 0012020 cùng ngày 24/4/2018 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận Tân Phú;
- TAND quận Tân Phú ;
- Các đương sự;
- Lưu (T/.17)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường